

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST

Ngày 12 - 5 - 2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1996, tại tỉnh Cà Mau; nơi ĐKKHKT: Ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh C; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C; nghề nghiệp: Đặt lú; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị N1; vợ là Nguyễn Thị Trinh và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1949 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ, ngày 25/12/2019, Nguyễn Văn N đã lên lút lấy trộm của ông Nguyễn Văn L 13 cái lú huế và 01 mỏ neo có tổng giá trị là 4.119.943 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐĐG, ngày 27/12/02/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận: 13 cái lú quế và 01 mỏ neo có tổng giá trị là 4.119.943 đồng.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKS, ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị đối với bị cáo như sau: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Ngoài ra còn đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 cây dao loại Thái Lan dài 21cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11cm đã bị rỉ sét, bản dao rộng nhất 1,9cm. Về trách nhiệm dân sự đã thỏa thuận bồi thường xong nên không đề nghị xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, yêu cầu được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là ông Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản bị trộm và bị cáo đã bồi thường với số tiền là 9.000.000 đồng nên không đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự, có làm đơn xin bãi nại đối với bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H1 xác định tài sản mà bị cáo dùng để đi thăm lú và làm phương tiện chở tài sản lấy trộm của người khác là của ông giao cho bị cáo sử dụng, ông không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, cơ quan điều tra đã trao trả lại tài sản cho ông, ông không yêu cầu gì khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, đánh giá chứng cứ, chứng minh là phù hợp với quy định của pháp luật trong quá trình điều tra cũng như quá trình truy tố đủ điều kiện để đưa ra xét xử đối với các bị cáo.

Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, cho thấy: Vào khoảng 07 giờ ngày 25/12/2019, Nguyễn Văn N điều khiển vỏ máy đi thăm lú huế đặt dưới sông đoạn Kênh K trước phần đất của ông Nguyễn Văn T thuộc ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C. Khi đang thăm lú thì phát hiện dây lú huế của ông Nguyễn Văn L đặt chồng lên dây lú của N nên nảy sinh ý định lấy trộm và dùng dao (loại dao thái dài 21cm) để sẵn dưới vỏ cắt ngang dây nối giữa hai đuôi lú và kéo lên vỏ, lấy được 13 cái lú huế cùng 01 mỏ neo được nối vào đuôi lú. Sau đó Nghỉ đem toàn bộ số lú và mỏ neo đến đoạn sông Kênh X (kênh cùng) thuộc khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh C để cất giấu rồi tiếp tục thăm lú. Lúc này ông L phát hiện bị mất lú và nghi ngờ N lấy trộm nên trình báo Công an. Qua làm việc bị cáo thừa nhận hành vi trộm của mình và giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt.

[3]. Xét về hành vi, Nguyễn Văn N đã lén lút lấy trộm tài sản là 13 cái lú huế và 01 mỏ neo buộc đuôi lú của ông Nguyễn Văn L có tổng giá trị là 4.119.943 đồng. Bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản, xâm phạm đến trật tự công cộng. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị của địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì nhu cầu sử dụng cá nhân mà không cân lao động, do tư lợi nên bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại. Bị cáo đủ tuổi luật định, quá trình hoạt động nhận thức diễn ra bình thường và đủ điều kiện chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội một mình không có sự chuẩn bị công cụ phương tiện từ trước để thực hiện hành vi phạm tội, khi thấy tài sản nảy lòng tham mà có ý thức chiếm đoạt. Từ phân tích và nhận định nêu trên cho thấy, hành vi của Nguyễn Văn N cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung vụ án. Phù hợp lời khai nhận, tờ tự nhận của bị cáo và lời trình bày của bị hại, người tham gia tố tụng khác đồng thời phù hợp kết quả khám nghiệm hiện trường cũng đã ghi nhận lại đúng vị trí mà bị cáo trình bày, phù hợp với vật chứng thu giữ. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Qua phân tích, chứng tỏ lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo thành khẩn khai báo, đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng, bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của ông Nguyễn Văn L bị Nguyễn Văn N chiếm đoạt là 13 cái lú huế và 01 mỏ neo. Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho ông L. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho ông L số tiền 9.000.000 đồng, ông L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6]. Vật chứng vụ án:

+ 13 cái lú huế loại 29 vàng, 02 vành đuôi lú màu trắng, 27 vành còn lại màu xanh, lưới lú có màu trắng riêng lưới 04 vành hai đầu lú màu xanh; 01 mỏ neo bằng kim loại có 02 mũi nhọn đã thu hồi và giao trả cho bị hại xét thấy là phù hợp nên không đặt ra xử lý.

+ Đối với 01 vỏ Composite hiệu Đức Tài dài 7,2m màu trắng xanh đã qua sử dụng; 01 máy nổ không rõ nhãn hiệu màu đỏ đen bạc đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn H1 (cha ruột bị cáo). Ông H không biết N dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho ông H, xét thấy phù hợp nên không đặt ra xử lý.

+ Đối với 01 cây dao loại Thái Lan dài 21cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11cm đã bị rỉ sét, bản dao rộng nhất 1,9cm là tài sản của gia đình bị cáo. Quá trình làm việc gia đình bị cáo không có yêu cầu nhận lại đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân quản lý, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra qua làm việc bị hại khai còn mất 34 cái lú huế và 02 mỏ neo, qua điều tra, xác định không có đủ cơ sở chứng minh nên Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân không xử lý, xét thấy là phù hợp nên không đặt ra xử lý.

[7]. Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử lý dưới khung hình phạt đối với bị cáo.

[8]. Về án phí sơ thẩm hình sự, Nguyễn Văn N phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp

tài sản”. Phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao loại Thái Lan dài 21cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11cm đã bị rỉ sét, bản dao rộng nhất 1,9cm. Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bị cáo, ông Nguyễn Văn H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Công an huyện Phú Tân;
- CC. Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Phước**